TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-09-2021
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Xưa

Bà Nguyễn Thị Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 09 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Thúy D, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số 33 ấp 2, xã B, thành phố T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09 tháng 03 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Thúy D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hồng S quen biết và chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung

sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cải vả, không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay chị xét thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn anh Nguyễn Hồng S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D. Vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, chị Lê Thị Thúy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa chị D và anh S là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian chung sống cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị D kiên quyết xin ly hôn. Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho anh S nhưng anh S vắng mặt, không có trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị D, anh S không thiết tha hàn gắn tình cảm với chị D. Mâu thuẫn giữa chị D và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị Thúy D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hồng S. Anh S có địa chỉ cư trú và sinh sống ở xã B, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt. Quá trình tố tụng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy D và anh Nguyễn Hồng S tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn

vào ngày 05 tháng 6 năm 2015 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, chị D và anh S chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, cả hai không còn quan tâm, thương yêu, chia sẻ chăm sóc lẫn nhau, thường xuyên cải vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, anh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc chị D xin ly hôn nhưng anh S không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ với chị D. Từ đó, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh S.

[4] Về con chung: không có

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật

[7] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thúy D đối với anh Nguyễn Hồng S.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy D được ly hôn với anh Nguyễn Hồng S.

- Về con chung: không có.

2. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thúy D chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0005243 ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An S thi hành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND xã Bình Tâm, tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Hằng